

# NGHIÊN CỨU VỀ NGHỆ THUẬT SỬ DỤNG TỪ LÁY TRONG THƠ NÔM HỒ XUÂN HƯƠNG

RESEARCH ON THE ART OF USING REDUPLICATIVE WORDS IN HO XUAN HUONG'S NOM POETRY

Nguyễn Thị Lê<sup>1\*</sup>, Nguyễn Trọng Đông<sup>2</sup>

DOI: <http://doi.org/10.57001/huiv5804.2024.413>

## TÓM TẮT

Từ láy trong thơ Nôm của Hồ Xuân Hương không chỉ là công cụ nghệ thuật để miêu tả cảnh vật hay cảm xúc mà còn là phương tiện để bà thể hiện sự trân trọng văn hóa dân gian. Bà đã sử dụng từ láy một cách khéo léo để tạo nên những hình ảnh sống động, giàu sức gợi và đậm chất biểu cảm, giúp thể hiện rõ nét các ý tưởng, đồng thời tăng thêm sức truyền cảm và chiều sâu trong từng câu thơ. Trong bài báo này, các tác giả nghiên cứu trên bình diện ngôn ngữ nghệ thuật sử dụng từ láy trong thơ. Qua từ láy, các hình ảnh thiên nhiên, đời sống, con người và cả những suy nghĩ, tâm tư trở nên gần gũi, chân thực, có hồn. Sự kết hợp tài tình này giúp thơ bà có sức cuốn hút, mang lại cho người đọc những cảm nhận sống động và sâu sắc. Thông qua đó, chúng ta càng hiểu hơn về tài năng và tấm lòng của bà dành cho con người và cuộc sống.

**Từ khóa:** Từ láy, thơ Nôm, Hồ Xuân Hương.

## ABSTRACT

The reduplicative words in Ho Xuan Huong's Nom poetry are not only artistic tools for describing landscapes or emotions, but also a means for her to express her respect for folk culture. She skillfully employed reduplication to create vivid, evocative, and highly expressive images, helping to clearly convey ideas while also adding emotional resonance and depth to each verse. In this paper, the author examines the artistic use of reduplicative words in her poetry from a linguistic perspective. Through reduplication, images of nature, life, people, as well as thoughts and emotions, become more intimate, authentic, and soulful. This clever combination gives her poetry a captivating quality, offering readers vivid and profound impressions. Through this, we gain a deeper understanding of her talent and her heartfelt dedication to humanity and life.

**Keywords:** Reduplication, Nom poetry, Ho Xuan Huong.

<sup>1</sup>Trường Ngoại ngữ - Du lịch, Trường Đại học Công nghiệp Hà Nội

<sup>2</sup>Trường Đại học Kinh Doanh và Công nghệ Hà Nội

\*Email: nguyenthile.hauivn@gmail.com

Ngày nhận bài: 11/9/2024

Ngày nhận bài sửa sau phản biện: 28/10/2024

Ngày chấp nhận đăng: 26/12/2024

## 1. ĐẶT VẤN ĐỀ

Nữ sĩ Hồ Xuân Hương là một hồn thơ giàu giá trị nhân văn, nhân bản, một chất giọng lạ và giàu sắc thái sáng tạo. Từ xưa đến nay đã có rất nhiều công trình nghiên cứu về "Thơ và Đời" Hồ Xuân Hương - nữ sĩ được mệnh danh là "Bà Chúa thơ Nôm" là "Nữ sĩ của cảm giác", "Một thiên tài kì nữ" [1]. Điều làm nên sự độc đáo nổi tiếng của bà chúa thơ Nôm chính là đặc trưng ngôn từ trong thơ Hồ Xuân Hương. Để nghiên cứu và phân tích nghệ thuật này, bài báo sẽ dựa trên các lý thuyết ngôn ngữ học, đặc biệt là các lý thuyết về từ láy và nghệ thuật ngôn từ trong thơ ca. Trên cơ sở tiếp thu những công trình của các nhà nghiên cứu, phê bình và các tài liệu có liên quan, chúng tôi tiến hành phân tích sâu hơn để làm rõ những đặc điểm nổi bật vai trò quan trọng của chủ đề nghiên cứu. Việc này không chỉ giúp xây dựng một cái nhìn tổng quan, mà còn cung cấp cơ sở lý luận và thực tiễn để đưa ra các đánh giá và kết luận phù hợp. Trong khuôn khổ bài báo này, chúng tôi chỉ đề cập đến một vấn đề nhỏ thuộc bình diện ngôn ngữ, đó là nghệ thuật sử dụng từ láy trong thơ Nôm Hồ Xuân Hương góp phần làm sáng tỏ khả năng sử dụng ngôn ngữ dân tộc "tài tình như thần thông biến hóa, dân gian mà rất cổ điển, điêu luyện mà cứ hồn nhiên". Trên cơ sở thống kê các từ láy được sử dụng trong thơ Nôm truyền tụng, chúng tôi đặc biệt nhấn mạnh việc Hồ Xuân Hương đã khai thác được nét đặc sắc trong đặc điểm tiếng Việt thành đặc điểm riêng của mình làm cho thơ bà "có dáng dấp tài tình, tinh nghịch và độc đáo" [1].

## 2. CƠ SỞ LÝ LUẬN

Theo các nhà ngôn ngữ học, từ láy là những từ được cấu tạo bằng cách lặp lại âm tiết trong từ để tạo ra âm hưởng và ý nghĩa mới. Từ láy bao gồm từ láy toàn phần và từ láy bộ phận. Từ láy toàn phần là lặp lại hoàn toàn âm tiết; Từ láy bộ phận là chỉ lặp lại một phần âm tiết (thường là phụ âm đầu hoặc phần vần). Nguyễn Tài Cẩn cũng cho

rằng, từ láy trong tiếng Việt có hai dạng chính: Láy toàn phần (cả hai âm tiết được lặp lại hoàn toàn) và láy bộ phận (chỉ một phần của âm tiết được lặp lại). Sự lặp lại này, dù toàn phần hay bộ phận, đều có tác dụng làm nổi bật hình ảnh, nhịp điệu và cảm xúc trong ngôn ngữ. Trong tác phẩm “*Ngữ pháp tiếng Việt*” [2], Nguyễn Tài Căn cho rằng: “*Từ ghép theo quan hệ ngữ âm*” được gọi là từ láy âm hoặc láy âm. Theo ông, từ láy là một dạng từ ghép dựa trên sự lặp lại của các yếu tố âm thanh trong cấu trúc của từ, tạo ra hiệu ứng nhịp điệu và tăng cường ý nghĩa biểu đạt. Nhờ có từ láy, ngôn ngữ trở nên giàu sắc thái và dễ tạo cảm xúc, giúp người nghe cảm nhận rõ nét hơn về ý nghĩa mà tác giả muốn truyền tải.

Trong tác phẩm “*Từ vựng, ngữ nghĩa tiếng Việt*” [5], Đỗ Hữu Châu đã đề cập đến khái niệm từ láy như một đặc điểm nổi bật trong hệ thống từ vựng của tiếng Việt. Theo ông, từ láy là một loại từ vựng được tạo ra thông qua sự lặp lại có chọn lọc của các yếu tố âm thanh, nhằm tạo nên hiệu quả về ngữ nghĩa và phong cách biểu đạt. Đỗ Hữu Châu nhận định rằng: “*Từ láy không chỉ là một hiện tượng ngữ âm mà còn là một công cụ có sức mạnh biểu cảm trong ngôn ngữ, làm phong phú thêm nội dung và sắc thái ý nghĩa của từ ngữ*”. Nguyễn Đức Dân cho rằng: “*Từ láy là một thủ pháp giúp văn bản trở nên dễ nghe và dễ hiểu hơn. Từ láy trong văn học tạo nên âm điệu riêng, đồng thời làm cho hình ảnh và cảm xúc được lột tả sâu sắc hơn*”.

Đặng Thanh Hòa trong bài viết “*Thành ngữ và tục ngữ trong thơ Nôm Hồ Xuân Hương*” [7], đã nhận xét như sau: Người ta thường bảo “*Nôm na là cha mách què*” thế nhưng đến với thơ Hồ Xuân Hương thì đó là một ngoại lệ, bởi vì người đọc nhớ đến Hồ Xuân Hương, yêu Xuân Hương lại chính từ cái “*mách què*” ấy. Nếu không có chất “*nôm na*”, “*mách què*”, “*xỏ xiên*” đầy tinh quái này thì có lẽ đã không có một Hồ Xuân Hương để cho người đời chiêm ngưỡng và tôn vinh bà thành bà chúa thơ Nôm trong làng thơ Việt Nam. Chính cái chất nôm na trong thơ của bà đã tạo nên một chất men xúc tác mãnh liệt trong lòng người đọc. Người ta ngây ngất, hỉ hả, khoái trá với cái thứ ngôn ngữ “*nhà què*”, “*mách què*”. Tất cả những cái đó hoàn toàn xa lạ với sự chau chuốt, gọt giũa, khuôn sáo mà người ta thường bắt gặp trong ngôn ngữ thơ”.

Từ láy là thủ pháp nghệ thuật ngôn từ, trong nghệ thuật ngôn từ, từ láy đóng vai trò tạo nhịp điệu và làm tăng sức gợi hình, gợi cảm. Nhà thơ có thể sử dụng từ láy để nhấn mạnh trạng thái, diễn tả cảm xúc mãnh liệt hơn, hoặc tạo ra nhịp điệu cho câu thơ. Đỗ Đức Hiểu trong “*Thế giới thơ Nôm của Hồ Xuân Hương*” [4] đã nhận xét: “*Nghệ thuật ngôn từ là một cơ thể sống phức tạp, vận động, nhiều*

*âm thanh, nhiều màu sắc: mỗi tiếng là một “con kỳ nhông”, đứng chỗ này thì màu xanh, đứng chỗ khác thì màu nâu, hoặc vàng úa. Thơ là một thể loại rất kỳ ảo. Nhà thơ nói một sự việc, bài thơ mang một ý nghĩa khác. Đó là những điệp trùng của tiếng câu, của hệ thống đồng nghĩa, phản nghĩa, ẩn dụ nhằm diễn đạt ý tưởng (tình cảm, suy tư) dưới nhiều dạng ngày càng cao, càng sâu. Cho nên, có thể thấy chiều sâu ấy là đặc trưng của thơ*”.

Về giá trị biểu đạt của từ láy trong thơ Hồ Xuân Hương, có bao giờ ta tự đặt câu hỏi sao trong thơ Hồ Xuân Hương lại sử dụng nhiều từ láy đến vậy? Một phần đó là thứ ngôn ngữ được sử dụng khá phổ biến trong thơ ca dân tộc, hơn nữa từ láy bản thân nó còn mang lại giá trị biểu đạt rất cao. Nghĩa của từ láy khá phong phú, lấp lửng rất phù hợp với lối thơ nghịch ngợm, bông đùa. Điều đó đã góp phần làm cho câu thơ mang nhiều tầng nghĩa: Biểu lộ tình cảm, khắc họa hình tượng, đường nét, hình ảnh một cách rõ nét và phong phú hơn. Nó làm cho người đọc vừa dễ thuộc, vừa dễ hiểu, dễ nhớ. Điều đó phần nào tạo nên một phong cách thơ Hồ Xuân Hương khó trộn lẫn với bất cứ nhà thơ đương thời nào. Đọc thơ Hồ Xuân Hương ta có cảm giác đó là khẩu ngữ được thoát ra từ cửa miệng của những người nông dân sau lũy tre làng, sao mà mộc mạc, dung dị, tha thiết như vậy! Trong thơ Hồ Xuân Hương đã sử dụng, đặc biệt chú ý đến những từ láy, ta thấy có nhiều sự trùng hợp trong cách sử dụng từ ngữ, cách gieo vần, phải chăng sự ngạc nhiên của bạn đọc chính là dụng ý của tác giả. Trong tuyển tập thơ Nôm Hồ Xuân Hương do Ngô Lăng Vân biên soạn có đoạn viết: “*Chúng tôi cho rằng rất nhiều từ láy mà Hồ Xuân Hương đã gieo cùng một khuôn vần. Điều đó đã tạo nên một giá trị biểu đạt rất cao trong việc sử dụng từ ngữ với những dụ ý riêng của mình*” [8].

Về phương diện biểu hiện, Hồ Xuân Hương chú ý đến các từ láy tạo hình và trạng thái, tính chất của sự vật, hiện tượng. Những từ láy mà Hồ Xuân Hương sử dụng thường gây ấn tượng mạnh. Một số từ do chính bà sáng tạo ra như mồm mòm, hắt heo, hòm hom, nhưng phần lớn là sử dụng trong kho tàng từ láy tiếng Việt. Tuy nhiên, do biết kết hợp trong một ngữ cảnh hay ngôn cảnh điển hình nên có giá trị biểu cảm lớn.

Về mặt cấu tạo thì từ láy trong thơ Hồ Xuân Hương rất đa dạng, nhiều kiểu loại: Từ láy hai âm tiết (láy đôi): Từ láy ba âm tiết (láy ba).

### 3. GIẢI QUYẾT VẤN ĐỀ

#### 3.1. Sử dụng từ láy để tạo hình

Trong thơ Hồ Xuân Hương, từ láy là công cụ nghệ thuật quan trọng giúp tạo hình sống động, sắc nét. Từ láy

làm phong phú thêm tính biểu đạt, gia tăng tính hình tượng và đồng thời thể hiện tài năng tinh tế của nữ sĩ trong việc sử dụng ngôn ngữ dân tộc “cái tài làm xiếc vượt xa mức tưởng tượng”. Có được cái tài này cũng bởi Xuân Hương có một ngôn ngữ rất Việt Nam, ngôn ngữ ấy rất Xuân Hương [1]. Không gian trong thơ Hồ Xuân Hương đầy ắp sự vật, mỗi sự vật một hình thù, mỗi bài thơ một công trình kiến trúc. Nào là hình ảnh “cỏ gà *lún phún* leo quanh mép, cá giếc *le te* lách giữa dòng”, nào là cảnh thông *lắt lẻo*, là con đường vô ngần tối *om om*, là cái hang Cắc Cớ “nút làm hai mảnh hòm hòm hom”, là “kẽ hằm râu mọc trơ *toen hoèn*” là “lườn đá cỏ leo sờ *rạm rạp*”, là cái giếng sâu *thăm thẳm* mà *thanh thơi* mà trong *leo léo*, là hình ảnh quả cau *nhỏ nhỏ*, quả mít *sù sù*, là vầng trăng chín *mồm mòm*, *đỏ lòm lom* đang *lấp ló* đầu non, là hình ảnh *phất phơ* của chiếc lá, cảnh *hắt hiu* của “mái cỏ tranh xơ xác”, của cái kèo tre *khằng kheo*. Và còn là hình ảnh của con ốc “đêm ngày lăn lóc đám cỏ hôi”, của chiếc thuyền (chiếc bách) *nổi nênh*, đang *bập bênh* và *lênh đênh* giữa dòng đời. Tất cả tạo nên những hình thù kì lạ, lúc *uốn éo*, khi *nhấp nhồm*, lúc lại *lom khom*, *lơ lửng*, *cheo leo*...tạo thành một không gian động. Nó thức tỉnh, khuấy động, gọi dậy sức sống, cái đẹp tiềm năng của con người. Những từ láy rất gợi hình này kết hợp với hàng loạt các từ khác như *khom khom*, *ngừa ngừa*, *phấp phới*, *vắt ve* và những vần gai góc “om”, “eo”, “ên” dùng để chuyển đạt những ẩn dụ. Những con ốc, quả mít, cái quạt, những hang Cắc Cớ, hang Thánh Hoá, những giếng thơi, những cái “trống thủng, dẹt củi, đánh đu” vốn là những kí hiệu di chuyển từ cái miêu tả đến cái ẩn dụ, tạo thành những nét riêng, rất Xuân Hương.

Từ láy hai âm tiết (láy đôi), láy phụ âm đầu

Da nó *xù xì*, múi nó *dày* (*Quả mít*)

Đêm này *lăn lóc* đám cỏ hôi (*Con ốc*)

Bao giờ *thong thả* lên chơi nguyệt/ *Mảnh tình san sẻ tí con con* (*Bánh trôi nước*)

Láy phần vần

Con thuyền vô trạo *cúi lom khom*/ *Lách khe nước rí mó lam nham* (*Tự tình*)

Kìa đến Thái Thú đứng *cheo leo* (*Đền Sầm Nghi Đống*)

Láy hoàn toàn

Con đường vô ngần tối *om om* (*Con cò*)

Cầu trắng *phau phau* đôi ván ghép (*Cái giếng*)

*Lâng lâng* chẳng bợn chút lòng ai (*Bánh trôi nước*)

Sau giận vì duyên để *mồm mòm* (*Đánh đu*)

Vị gì một tý *tèo tèo* (*Lấy chồng chung*)

Nút ra một lỗ *hòm hòm hom* (*Tự Tình*)

Có lúc lại mượn âm thanh để biểu đạt thái độ của mình một cách khéo léo:

Khi cảnh, khi tiu, khi chũm chọe /Giọng hi, giọng hỉ, giọng *hi ha* (*Sư hổ mang*)

Theo nhiều nhà nghiên cứu, trong thơ Nôm của nữ sĩ, ngoài việc sử dụng một số từ cổ hiện nay không dùng nữa hoặc có dùng nhưng nghĩa khác đi:

Tiếng gà *vằng vằng* gáy trên bom/ Thân này *đâu* đã chịu già *tom* (*Tự tình II*)

Theo chúng tôi, khi đề cập đến biệt tài sử dụng ngôn ngữ dân tộc của Hồ Xuân Hương cần phải làm rõ: “Xuân Hương đã làm cho chữ “nôm na” không đồng nghĩa với “mách quế” mà nôm na là đồng nghĩa với thuần túy, trong trẻo, tuyệt vời” [1]. Và phải thấy rằng: Xuân Hương không chỉ sử dụng các từ láy để tạo âm, mà còn dùng nó để “tạo hình” để “điều khắc”. Hồ Xuân Hương đã dùng các từ láy- công cụ tạo hình đặc sắc của tiếng Việt một cách nhuần nhị. Bởi lẽ: “Láy là phương thức tạo hình đặc sắc của tiếng Việt. Mỗi từ láy là một “nốt nhạc” về âm thanh chứa đựng trong mình một “bức tranh” cụ thể của các giác quan: Thị giác, thính giác, xúc giác, vị giác, khứu giác kèm theo những ấn tượng về sự cảm thụ chủ quan, những đánh giá, những thái độ của người nói trước sự vật, hiện tượng” [4] đủ sức thông qua các giác quan hướng ngoại và hướng nội của mình mà tác động đến người nghe và người đọc.

### 3.2. Sử dụng từ láy để tượng thanh

Âm thanh và vần điệu vốn là một trong những thủ pháp cơ bản để các nhà thơ tạo ra thần thái, cũng như sự hấp dẫn, quyến rũ cho thơ. Nó mang cho người đọc vẻ đẹp của ngôn ngữ, hình ảnh thơ thông qua những xúc cảm âm thanh, nhịp điệu. Tuy nhiên, mỗi nhà thơ đều có một cách biểu đạt âm thanh riêng, thể hiện phong cách và bản sắc sáng tạo. Hồ Xuân Hương có cách biểu đạt âm thanh trực tiếp chứ không thông qua bất kỳ lối nói ví von, uyển ngữ, nhã ngữ nào. Âm thanh của đời sống sinh động muôn vẻ thường được vang vọng trực tiếp vào từng câu thơ của bà, những âm thanh đó được nhà thơ chắt lọc từ đời sống, tự nhiên, vũ trụ. Ta hãy nghe âm thanh của tiếng mõ và tiếng chuông bắt ngỡ vang lên trong bài thơ “Tự tình”.

Mõ thăm không *khua* mà cũng *cốc*/ Chuông *sâu* chẳng đánh *cớ sao om*?

Tiếng “*cốc*” và “*om*” rất tài tình và bất ngờ. Nhất là tiếng “*cốc*” đã làm người đọc giật mình, phá vỡ quy luật của cảm xúc, mà vang lên đột ngột, lạ lẫm, đầy thách thức. Điều kỳ lạ ở đây là tiếng “*cốc*” lại vọng ra từ “*mõ thăm*”, mà trước đó không ai động vào chiếc mõ đó.

*Phi phạch* trong lòng đã sướng chưa?

Giọt nước hữu tình rơi *thánh thót*

Sóng dồn mặt nước vỗ *long bong*

Giọt nước hữu tình rơi *lôm bôm*

Theo thống kê bước đầu của chúng tôi, trong số 48 bài thơ Nôm truyền tụng (bao gồm 15 bài thất ngôn tứ tuyệt và 33 bài thất ngôn bát cú) có 5 bài không dùng từ láy. Như vậy, số lượng các bài thơ Nôm có sử dụng từ láy là 41 bài, chiếm tỉ lệ 89%. Trong số các bài có sử dụng từ láy thì 11 bài chỉ dùng láy đơn, trong tổng số 113 từ láy.

Theo tiêu chí từ loại, trong tổng số 113 từ láy được Hồ Xuân Hương sử dụng có tới 65 từ láy tính từ (trong đó có rất nhiều từ tượng thanh, tượng hình) và 28 từ láy là động từ còn lại là gồm những từ láy thuộc các từ loại khác. Khảo sát các từ này chúng tôi thấy: mỗi từ láy được nữ sĩ dùng đều nêu lên một đặc trưng bản chất của sự vật. Đó là tiếng ong *vo ve*, tiếng quạt *phi phạch*, chuột *rúc rích*, gió *lắc rắc*, *phập phòm*, *lôm bôm*, tiếng "giọt nước hữu tình rơi thánh thót", tiếng sóng vỗ *long bong*, tiếng tiêu, tiếng chũm chọe, giọng hi, giọng hi, giọng *hi ha*. Tất cả những tiếng động, những âm thanh này dù tách khỏi văn cảnh, nhịp điệu, trong mối quan hệ của nó với câu thơ, bài thơ vẫn nói lên sự sống đời thường của thế giới thơ Hồ Xuân "cái thế giới rung động và hành động, không im, không tĩnh, những âm thanh xâm nhập lẫn nhau, cái cọ nhau, chí chọe, cao thấp, nặng nhẹ, vô cùng ồn ào" tạo nên một thế giới âm thanh rộn rã, náo động [3]. Và xen lẫn vào đó là âm thanh vọng lại từ xa, là tiếng khóc *tỉ tỉ* của người vợ. Hồ Xuân Hương đã vận dụng tối đa cách nói dân gian, dân dã, để tạo nên những câu thơ sinh động mà mang hàm nghĩa mới cho những từ tượng thanh: "Thương chồng nên phải khóc tỉ tỉ" (Khóc chồng làm thuốc), "Gió vật sườn non kêu lắc rắc/Sóng dồn mặt nước vỗ long bong" (Núi Kẽm Trống).

*Văng vẳng* tai nghe tiếng khóc già

Thương chồng nên nổi khóc *tỉ tỉ* (Bờn bà lang khóc chồng)

*Văng vẳng* tai nghe tiếng khóc chồng (Dỗ người đàn bà khóc chồng)

Tiếng gà *văng vẳng* gáy trên bom

Oán hận trông ra khắp mọi chòm (Tự tình)

*Vo ve* mặc mẹ cái ong bầu (Quan thi)

Xuất hiện 4 lần trong các bài thơ Nôm, từ láy *văng vẳng* có giá trị biểu cảm rất lớn. Sự điệp trùng của âm thanh *văng vẳng* mới day dứt làm sao! Có lẽ chỉ có Hồ Xuân Hương - người phụ nữ đã từng lâm vào cảnh góa bụa mới

có được sự đồng cảm sâu sắc, mới nghe được lớp âm thanh thứ hai của đêm thanh vắng từ xa đưa tới, từ mông lung, từ vô vọng, từ thăm sâu của trái tim phụ nữ. Chính cái âm thanh xa xôi trong đêm khuya càng làm nổi bật hơn cảnh đơn chiếc, thiếu thốn tình yêu thương *trơ cái hồng nhan với nước non* và làm thức dậy nỗi đau tiềm ẩn tận đáy lòng người cô phụ.

### 3.3. Sử dụng từ láy để biểu cảm

Trong thơ Hồ Xuân Hương, từ láy xuất hiện nhiều và có giá trị biểu cảm cao. Trong cuốn "Tìm hiểu thơ Hồ Xuân Hương" [9], nhà nghiên cứu Lê Lâm Thìn cho biết ông đã khảo sát 268 câu thơ Hồ Xuân Hương thì có 79 từ láy, chiếm tỉ lệ 29,4% nghĩa là từ láy chiếm gần một phần ba trong tổng số các câu thơ.

Nét đặc sắc trong ngôn ngữ Hồ Xuân Hương còn thể hiện qua việc dùng các từ láy để diễn đạt mức độ cao hơn của tính chất. Nhờ những từ này mà bà đã tạo ra "mảng màu đặc biệt" miêu tả những sắc màu hết sức lạ lùng, đối chọi đến cực điểm, khiến cho "những màu sắc đó phải kêu lên, phải xé ra, phải cao độ". Nó không chỉ gây ấn tượng mạnh mẽ mà còn gây được cảm giác về sự vận động của màu sắc. Tắm ván đắm sương đêm trên bờ giếng, ánh sáng chiếu vào không chỉ trắng mà trắng *phau phau*: "Cầu trắng *phau phau* đôi ván ghép" (Cái giếng); nước không chỉ trong mà phải là "trong leo lẻo". Trăng đang độ rằm lúc mới lên tròn trĩnh như quả cây lại vàng ửng như đã chín nhưng phải là chín rục, chín quá, chín *mồm mòm*, *đỏ lòm lom*:

Một trái trăng thu chín *mồm mòm* (Trăng thu)

Trước nghe những tiếng nghe *rầu rĩ*

Sau giận để duyên đến *mồm mòm* (Tự tình)

"Vùng quế" đỏ nhưng phải là *đỏ lòm lom*, kết cấu tính từ+ tính từ. Cái cửa trên đèo Ba Dội có tấm bảng để chữ và sơn. Sơn không những đỏ mà phải "đỏ loét *tùm hum nóc*" bên cạnh tảng đá chằng những xanh mà còn "xanh rì *lún phún rêu*". Toàn là những màu xôn xao rục rờ của cuộc sống đang trỗi dậy. Rõ ràng, nghệ thuật trong việc sử dụng từ láy của Hồ Xuân Hương là ở "tính chính xác đến ghê người của nó".

Đứng trèo trông sang cảnh *hắt heo* / Đường đi thiên theo quân *cheo leo*

Lợp lều mái cỏ tranh *xơ xác*/ Xỏ kẻ kèo tre đốt *khằng kheo*

Ba chạc cây xanh hình *uốn éo* / Một dòng nước biếc cảnh *leo teo*

Thú vui quên cả niềm lo cũ / Kia cái diều ai nó *lộn lèo*

Các từ láy trong bài thơ đã góp phần tạo lên quang cảnh tiêu sơ hiu hắt với hình ảnh con đường thì quanh co, quán thì cao, khó đến bởi *cheo leo*. Bức tranh tĩnh vật quán nghèo như trong côi hư và cứ hiện dần lên từng nét từng nét, thăm đến từng đốt kèo tre gầy tóp khảnh kheo). Rồi hình ảnh của lùm cây, cây không ra cây đã biến dạng, chỉ còn là những “chạc cây hình uốn éo” thêm vào đó là dòng nước “leo teo”. Nói như nhà thơ Xuân Diệu, ở đây, tất cả “những cảnh khập khiễng, cong queo từ đường nét đến mỗi chi tiết đều tuyệt đối phục tùng cái vũ khúc lão đảo, lạch lạch như bước đi của người say và cuối cùng là hình ảnh một chiếc diều làm xiếc, nó cũng lộn lèo như vua chúa chứ kém chi?” [1].

Không chỉ tài nghệ trong việc sử dụng từ láy để miêu tả cảnh vật, Hồ Xuân Hương còn rất thân tình khi dùng từ láy để miêu tả con người. Mỗi nhân vật- mỗi đối tượng, thông qua cảm quan đặc biệt của nữ sĩ đều được gán cho một cái nhân (từ láy) phù hợp. Cô thiếu nữ đương độ xuân thì “*hông hông má phấn*”, hiền nhân quân tử được nữ sĩ “*ưu ái*” hơn nên bà đã dành cho chúng những từ láy bộc lộ đặc trưng bản chất - những động từ chỉ hành động và trạng thái đặc biệt: Khi thì *mân mó mít*, lúc lại *mãi mê* với việc *ngoáy ngoắc ốc*. Và đứng trước cảnh:

*Mùa hè hây hây gió nồm đông / Thiếu nữ nằm chơi quá giấc nồng*

*Lược trúc biếng cài trên mái tóc / Yếm đào để trễ dưới nương long*

*Đôi gò bồng đảo hương còn ngậm / Một lạch đào nguyên suối chữa thông*

thì lại không nỡ bắt lặc trước tình huống dẫu không Tiên cảnh cũng Bồng lai này nên phải *dùng dằng* đi chẳng nổi, ở chẳng xong! Hẳn cũng vì hiểu rõ tính cách của các bậc hiền nhân quân tử nên đã có lúc Xuân Hương đem “*cái quạt*” đặc biệt - “*chành ra ba góc da còn thiếu, khẹp lại đôi bên thịt vẫn thừa*” để phất vào mặt anh hùng, đội lên đầu quân tử.

Cha kiếp đường tu sao *lắt léo* (Chùa Quán Sứ)

và: Trái gió cho nên phải *lộn lèo* (Cái kiếp tu hành)

Ngay cả trời - đấng tối cao cũng bị Xuân Hương trách khéo:

*Khéo khéo bày trò tạo hoá công (Đá Ông Chông Bà Chông)*

Bày đặt kìa ai *khéo khéo* phòhò/ Nứt ra một lỗ *hòm hòm hom*

.....Lâm tuyền quyến cả phần hoa lại/

Rõ khéo trời già đến *dở dom* (Động Hương Tích)

Sự xuất hiện hai lần từ láy “*khéo khéo*”, nhất là hai từ láy đặc biệt rất Xuân Hương. Kết hợp từ láy 3 âm tiết (láy ba).

Nứt ra một lỗ *hòm hòm hom*/ Ví gì một tý *tẻo tẻo teo*

Cách dùng từ láy của Hồ Xuân Hương đã đem đến cho người đọc nhiều ấn tượng, nhiều cảm nhận thú vị. “*Hòm hòm hom*”, “*dở dom*”, kết hợp với vần “*om*” đã làm tăng sức biểu cảm của câu thơ và thể hiện thái độ mỉa mai, chê trách của nữ sĩ họ Hồ với tạo hoá công.

Đối với phụ nữ, những người cùng thân phận đàn bà, những “*quả cau nho nhỏ*”, những “*con ốc đêm ngày lăn lóc đám cỏ hôi*” cũng lênh đênh như cùng chịu cảnh “*chiếc bách giữa dòng*” “*kẻ đắp chần bông kẻ lạnh lùng*” như mình, Xuân Hương đã dành cho họ rất nhiều tình yêu thương và sự cảm thông. Trong giai đoạn này, nếu Đặng Trần Côn nói đến nỗi khổ của người phụ nữ trong chiến tranh phải xa chồng, sống cô đơn, sầu thảm; Nguyễn Gia Thiều nói đến nỗi khổ của người cung nữ một thời được vua chúa yêu vì rồi sau đó ruồng bỏ; công chúa Ngọc Hân nói đến nỗi khổ của một người vợ chết chồng trong khi con còn nhỏ dại; và Nguyễn Du đề cập đến nỗi khổ của một người con gái tài sắc vẹn toàn nhưng phải “*thanh lâu hai lượt thanh y hai lần*” thì Hồ Xuân Hương lại hướng ngòi bút của mình vào một khía cạnh hết sức độc đáo - điều không mấy ai nói được. Đó là nỗi đau của người phụ nữ trong xã hội phong kiến, bà thương cho những người phụ nữ lâm vào cảnh lấy chồng chung, bà ngậm ngùi trước sự thật lạnh lẽo, đơn côi “*năm thì mười họa hay chằng chớ, một tháng đôi lần có cũng không*” của họ. Bà bênh vực cho những người phụ nữ “*cả nể cho nên sự dở dang*”. Hàng loạt từ láy được bà sử dụng đã làm nổi bật những phẩm chất đáng quý của người phụ nữ. Cái đáng tất bật hay lam hay làm của họ được đặc tả qua từ láy tượng hình “*vội vàng*”.

Tất cả những là thu với vén

*Vội vàng* nào những bóng cùng bông (Thân phận đàn bà)

“*Cái nợ chồng con*” của người phụ nữ trong ca dao xưa: “*Trong khi lửa tắt cơm sôi, Lợn kêu, con khóc, chồng đòi tòm tem*” đã được Hồ Xuân Hương bộc lộ một cách khéo léo nhờ sử dụng hai từ láy “*lổm ngổm*” và “*hu hơ*” (được coi là nhãn tự của bài thơ), trong sự đối lập của hai hình ảnh ngộ nghĩnh, tức cười:

Bố cu *lổm ngổm* bò trên bụng

Thằng bé *hu hơ* khóc dưới hông (Cái nợ chồng con)

Có thể nói, từ sự đối lập của hai hình ảnh này “*người phụ nữ trong thơ Hồ Xuân Hương đã trở thành bà mẹ*

của tạo hóa, của thiên nhiên là đất rộng, núi sông... Thân thể của nàng trên thực tế nào to tát um trùm gì nhưng trước nỗi mang về mệnh mỏng của nàng, người đàn ông hoá ra nhỏ bé, hóa ra thu hẹp, không so sánh được với bà mẹ Tạo vật” [2].

Ngoài ra, trong một số bài than thân như bài “Tự tình”, người đàn bà “rất đàn bà” này đã bộc lộ cõi lòng của mình thông qua hình ảnh biểu trưng: Chiếc bánh. Bài thơ đã được Xuân Hương dùng tới 6 từ láy trong đó có 4 từ láy chỉ hoạt động, 2 từ chỉ tính chất - là một trong những bài có tần số xuất hiện từ láy cao nhất. “Tự tình I” đã nói lên tâm trạng phân vân, ngao ngán trước cái trôi nổi “bấp bênh” của con thuyền duyên phận. Các từ láy nổi *nênh, lênh đênh, bập bênh* đem đến cho người đọc một cảm giác bập bênh, chới với. Cùng với bài thơ này, “Tự tình III” biểu thị nỗi mong đợi, ngao ngán “nổi xuân đi xuân lại lại, mảnh tình san sẻ tí *con con*”. Tiếng lòng chân thực của người đàn bà tự nói về mình sao mà yếu mềm và đầy oán hận:

Trước nghe những tiếng thềm rên rĩ/ Sau giận vì duyên để mồm mòm

Nhưng cái bản lĩnh Xuân Hương vẫn thẳng khi bài thơ khép lại bằng một lời thách thức: Tài tử văn nhân ai đó tá/ Thân này đâu đã chịu già *tom (Tự tình III)*

Trên cơ sở thống kê các từ láy được sử dụng trong thơ Nôm của Hồ Xuân Hương và đã đưa ra một số nhận xét nghệ thuật sử dụng từ láy trong sáng tác của nữ sĩ. Đồng thời, chúng tôi đã đưa minh họa bằng những dẫn chứng cụ thể nhằm góp phần khẳng định tài năng thiên bẩm “cái tài như thần thông biến hóa” của Hồ Xuân Hương trong việc vận dụng ngôn ngữ dân tộc, đặc biệt là từ láy.

Với khả năng sáng tạo, Hồ Xuân Hương đã sử dụng các từ láy tượng hình, tượng thanh, và các từ láy chỉ đặc điểm, trạng thái một cách tài tình để biểu đạt cái mới mẻ của thế giới quan. Như Hoài Thanh đã nhận định: “Xuân Hương đã đem vào trong thơ chính quy, thơ bằng chữ viết của dân tộc ta cách đây vài trăm năm cái mới mẻ của các giác quan, vũ trụ, thế giới qua tâm hồn Xuân Hương có những màu sắc, những tiếng động rất sống, rất động, rất mới lạ” [1]. Ngôn ngữ thơ của bà, dưới ngòi bút tài hoa, không chỉ súc tích, chính xác mà còn uyển chuyển, linh hoạt, giàu ý nghĩa, đặc sắc trong tạo hình, phong phú về âm thanh và nhịp điệu, đúng như Hoài Thanh từng đánh giá [1]. Như vậy, qua những dẫn chứng trên, ta đã phần nào thấy được giá trị biểu đạt mà từ láy mang lại rất lớn, điều đó phần nào thể hiện được nội dung, mục đích, hàm ý mà tác giả muốn chuyển tải đến người đọc, để từ đó

người đọc có được cái nhìn bao quát hơn với tác phẩm mà họ được tiếp cận. Một lần nữa lại chứng minh cho sự tài tình, táo bạo, thông minh, sắc sảo trong việc sáng tạo nên những từ ngữ vừa gần gũi dễ hiểu với quần chúng nhân dân, vừa đa thanh, đa nghĩa. Vì lẽ đó mà cho đến nay, dù đã trải qua hàng trăm năm lịch sử nhưng thơ của Hồ Xuân Hương vẫn luôn tạo được dấu ấn mạnh mẽ trong lòng những độc giả nhiều tầng lớp khác nhau.

#### 4. KẾT LUẬN

Hồ Xuân Hương là nhà thơ yêu đời, yêu cuộc sống, nghệ thuật sử dụng từ láy trong thơ Nôm Hồ Xuân Hương không chỉ là một phương tiện ngữ âm đặc sắc, mà còn là yếu tố quan trọng góp phần tạo nên nét độc đáo trong phong cách sáng tác của nữ thi sĩ. Việc sử dụng linh hoạt và sáng tạo các từ láy không chỉ làm phong phú thêm ngữ nghĩa mà còn thể hiện sâu sắc cảm xúc, tâm trạng và quan niệm nghệ thuật của Hồ Xuân Hương. Xuân Hương đã vận dụng thành công sáng tạo ngôn ngữ dân tộc, bà sáng tạo lại ca dao, tục ngữ, câu đố, triết để tận dụng tính từ, từ láy, trạng từ tăng hiệu việc tạo hình miêu tả. Nhờ đó mà người, cảnh, vật trong thơ Hồ Xuân Hương có màu sắc, đường nét, hình khối riêng. Với phong cách đó, phong cách nét biểu nét “nghĩa đôi” lập lờ Hồ Xuân Hương chủ yếu dựa vào thủ thuật chơi chữ, lối nói lái, lối nói lờ lờ, nghệ thuật câu đố “tục mà thanh, thanh mà tục”. Thông qua nghiên cứu, ta nhận thấy rằng việc sử dụng từ láy trong thơ Nôm Hồ Xuân Hương không chỉ mang tính chất thẩm mỹ mà còn phản ánh phong cách độc đáo và sự phản kháng mạnh mẽ đối với những quy ước xã hội. Đây là yếu tố góp phần làm cho thơ bà trở nên khác biệt và bền vững trong lòng độc giả qua nhiều thế kỷ. Do đó, việc tìm hiểu và nghiên cứu cách sử dụng từ láy trong thơ Hồ Xuân Hương không chỉ có giá trị về mặt ngôn ngữ học mà còn giúp chúng ta hiểu rõ hơn về một phần quan trọng trong di sản văn học dân tộc.

#### PHỤ LỤC: Hình thức láy trong các bài thơ Nôm (Hồ Xuân Hương)

TT	Tên bài	Hình thức láy		
		Láy đơn	Láy kép	Láy ba trở lên
1	Tranh Tố nữ	+	-	-
2	Mời trầu	+	-	-
3	Xướng họa với Chiêu Hồ (hai bài xướng I, II)	+	-	-
4	Đỗ người đàn bà khóc chồng	+	-	-

5	Làm lễ	+	-	-
6	Khóc tống Cóc	+	-	-
7	Cái kiếp tu hành	+	-	-
8	Chùa Quán Sứ	+	-	-
9	Đền Sầm Nghi Đống	+	-	-
10	Hỏi trăng	+	-	-
11	Động Hương Tích	+	-	-
12	Quả mít	-	+	-
13	Con ốc nhỏ	-	+	-
14	Thiếu nữ ngủ ngày	-	+	-
15	Phường loi toi	-	+	-
16	Lũ ngấn ngơ	-	+	-
17	Đá Ông Chống Bà Chống	-	+	-
18	Bốn bà lang khóc chống	-	+	-
19	Tự tình III	-	+	-
20	Quan thị	-	+	-
21	Hang Thánh Hoá	-	+	-
22	Kèm Trống	-	+	-
23	Cảnh chùa ban đêm	-	+	-
24	Tự tình II	-	+	-
25	Trăng thu	-	+	-
26	Sư hổ mang	-	+	-
27	Bánh trôi nước	-	+	-
28	Vịnh cái đẹp	-	+	-
29	Cảnh chùa Linh Ứng	-	+	-
30	Cảnh đêm	-	+	-
31	Vịnh con chó	-	+	-
32	Đánh đu	-	-	+
33	Xưởng III	-	-	+
34	Tát nước	-	-	+
35	Đèo Ba Dội	-	-	+
36	Tự tình I	-	-	+
37	Hang Cốc Cờ	-	-	+
38	Giếng thơ	-	-	+
39	Quán Khánh	-	-	+
40	Chiếc bách	-	-	+
41	Thiếu nữ ngủ ngày	-	-	+

**TÀI LIỆU THAM KHẢO**

[1]. Le Tri Vien, Le Xuan Lit, Nguyen Duc Quyen, *Reflections on Ho Xuan Huong's Poetry*. Hanoi Education Publishing House, 1993.

[2]. Nguyen Tai Can, *Vietnamese Grammar*. University and Vocational Education Publishing House, 1975.

[3]. Hoang Xuan, *Ho Xuan Huong: Poetry and Life*. Hanoi Literature Publishing House, 1995.

[4]. Do Duc Hieu, *The World of Ho Xuan Huong's Nom Poetry*. Education Publishing House, 2003.

[5]. Do Huu Chau, *Vocabulary - Semantics*. Hanoi National University Publishing House, 1997.

[6]. Ngo Lang Van, *Complete Works of Ho Xuan Huong*. Thanh Hoa Publishing House, 2002.

[7]. Dang Thanh Hoa, *Proverbs and Idioms in Hồ Xuân Hương's Nom Poetry*. Education Publishing House, 2003

[8]. Ngô Lăng Vân, *Tuyển tập thơ Nôm Hồ Xuân Hương*. NXB Khoa học và xã hội, 1984.

[9]. La Lam Thin, *Exploring Ho Xuan Huong's Poetry*. Hanoi University of Education Publishing House, 1998.

**AUTHORS INFORMATION**

**Nguyen Thi Le<sup>1</sup>, Nguyen Trong Dong<sup>2</sup>**

<sup>1</sup>School of Languages and Tourism, Hanoi University of Industry, Vietnam

<sup>2</sup>Hanoi University of Business and Technology, Vietnam